TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2024/QĐST-DS	*Đông Triều, ngày 15 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 05/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành lập ngày 31/01/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T; địa chỉ tầng C; Người đại diện theo pháp luật: ông Hàn Ngọc Vũ – Tổng Giám đốc ngân hàng t; Người đại diện theo ủy quyền: ông Hoàng Đình H – Giám đốc THN trực tiếp và XLN vùng theo giấy ủy quyền số 183815.23, ngày 08/11/2023 của tổng giám đốc, người được ủy quyền lại bà Đỗ Thị T T và bà Nguyễn Thị H, cùng địa chỉ tầng m, theo giấy ủy quyền số 202951.23, ngày 14/12/2023;

Bị đơn:

Chị Phạm Thị T sinh năm 1977, nơi thường trú khu M, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh;

Anh Hoàng Văn M sinh năm 1974, nơi thường trú khu 3, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ; chỗ ở hiện nay khu M, phường X, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (người đại diện theo uỷ quyền cho anh Hoàng Văn M là chị Phạm Thị T, theo giấy uỷ quyền ngày 31/01/2024);

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

A. Chấm dứt hợp đồng tín dụng số 5054956.22 ngày 06/05/2022 và hợp đồng tín dụng số 7213612.23 ngày 19/9/2023.

B. Về số tiền còn nợ và phương án trả nợ cụ thể:

1. Đối với Hợp đồng tín dụng số 5054956.22 ngày 06/05/2022.

1.1 Về số tiền còn nợ: tính đến ngày 31/01/2024, chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn M còn nợ Ngân hàng t số tiền 1.186.220.333đ (một tỷ, một trăm tám sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, ba trăm ba ba đồng), trong đó: nợ gốc 1.099.500.000đ (một tỷ, không trăm chín chín triệu, năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 49.314.834đ (bốn chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, tám trăm ba tư đồng), nợ lãi quá hạn 37.405.499đ (ba bảy triệu, bốn trăm linh năm nghìn, bốn trăm chín chín đồng).

1.2 Về phương án trả nợ:

Ngày 25/02/2024 chị T và anh M phải trả Ngân hàng t số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) vào gốc của hợp đồng tín dụng trên;

Ngày 25/3/2024 chị T và anh M phải trả Ngân hàng t số tiền 786.220.333đ (bảy trăm tám sáu triệu, hai trăm hai mươi nghìn, ba trăm ba ba đồng) trong đó: nợ gốc 699.500.000đ (sáu trăm chín chín triệu, năm trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn 49.314.834đ (bốn chín triệu, ba trăm mười bốn nghìn, tám trăm ba tư đồng), nợ lãi quá hạn 37.405.499đ (ba bảy triệu, bốn trăm linh năm nghìn, bốn trăm chín chín đồng), và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 5054956.22 ngày 06/05/2022 và tại Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 5054956(1)22 ngày 06/5/2022 cho đến khi chị T và anh M trả hết nợ.

1.3 Trường hợp anh M, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo thoả thuận thì Ngân hàng t có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH285731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02921 do UBND huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 13/4/2012 đứng tên bà Phạm Thị T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/5/2022, số công chứng 6733 quyển số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/5/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nhân Bình và văn bản cam kết số MB-0034.RSK-12 ngày 06/5/2022.

1.4 Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ T toán hết khoản nợ thì chị T và anh M phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng t.

2. Đối với Hợp đồng tín dụng số 7213612.23 ngày 19/9/2023.

2.1 Về số tiền còn nợ: tính đến ngày 31/01/2024, chị Phạm Thị T còn nợ Ngân hàng t số tiền 239.966.974đ (hai trăm ba chín triệu, chín trăm sáu sáu

nghìn, chín trăm bảy tư đồng), trong đó nợ gốc 228.000.000đ (hai trăm hai tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn 5.921.754đ (năm triệu, chín trăm hai mốt nghìn, bảy trăm năm tư đồng), nợ lãi quá hạn 6.045.220đ (sáu triệu, không trăm bốn năm nghìn, hai trăm hai mươi đồng).

2.2 Về phương án trả nợ:

Ngày 25/3/2024 chị Phạm Thị T phải trả Ngân hàng t số tiền 239.966.974đ (hai trăm ba chín triệu, chín trăm sáu sáu nghìn, chín trăm bảy tư đồng), trong đó nợ gốc 228.000.000đ (hai trăm hai tám triệu đồng), nợ lãi trong hạn 5.921.754đ (năm triệu, chín trăm hai mốt nghìn, bảy trăm năm tư đồng), nợ lãi quá hạn 6.045.220đ (sáu triệu, không trăm bốn năm nghìn, hai trăm hai mươi đồng), và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 01/02/2024 đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7213612.23 ngày 19/9/2023 và tại đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 7213612(1).23 ngày 19/9/2023 cho đến khi chị Phạm Thị T trả hết nợ.

2.3 Trường hợp chị Phạm Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo thoả thuận thì Ngân hàng t có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH285731, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH 02921 do UBND huyện Đông Triều (nay là thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 13/4/2012 đứng tên bà Phạm Thị T theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 06/5/2022, số công chứng 6733 quyển số 07/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06/5/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Nhân Bình và văn bản cam kết số MB-0034.RSK-12 ngày 06/5/2022.

2.4 Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ T toán hết khoản nợ thì chị Phạm Thị T phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng t.

3. Về chi phí tố tụng:

3.1 Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn M phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 6.000.000đ (sáu triệu đồng), số tiền này đại diện nguyên đơn đã nộp tạm ứng ngày 18/01/2024, nên chị T và anh M phải có trách nhiệm hoàn trả số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) cho Ngân hàng t.

3.2 Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả đủ số tiền chi phí tố tụng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357, điều 468 Bộ luật Dân sự.

3.3 Trả lại Ngân hàng t số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo biên bản giao nhận ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều. Ngân hàng t đã nhận lại đủ số tiền trên.

4. Về án phí:

4.1 Đối với hợp đồng tín dụng số 5054956.22 ngày 06/05/2022.

Chị Phạm Thị T và anh Hoàng Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 23.793.305[đ] (hai ba triệu, bảy trăm chín ba nghìn, ba trăm linh năm đồng).

4.2 Đối với Hợp đồng tín dụng số 7213612.23 ngày 19/9/2023.

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 5.999.174[đ] (năm triệu, chín trăm chín chín nghìn, một trăm bảy tư đồng).

4.3 Trả lại Ngân hàng t số tiền 26.603.000[đ] (hai sáu triệu, sáu trăm linh ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003454, ngày 08/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát thị xã Đông Triều;
- Tòa án tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Đông Triều;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Cường